VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :1210/VFM.2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30**/ *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 12/10/2018
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
1	BMP	120	0.46%
2	CII	520	0.89%
3	CTD	120	1.24%
4	CTG	1,050	1.70%
5	DHG	130	0.77%
6	DPM	440	0.51%
7	FPT	1,390	3.91%
8	GAS	270	2.00%
9	GMD	450	0.77%
10	HPG	3,610	9.50%
11	HSG	700	0.54%
12	KDC	350	0.59%
13	MBB	3,360	4.71%
14	MSN	1,190	6.17%
15	MWG	590	4.84%
16	NVL	900	3.79%
17	PLX	330	1.37%
18	PNJ	320	2.16%
19	REE	480	1.08%
20	ROS	400	1.05%
21	SAB	270	3.95%
22	SBT	770	1.02%
23	SSI	850	1.70%
24	STB	4,840	3.99%
25	VCB	1,020	3.88%
26	VIC	1,410	8.65%
27	VJC	770	7.15%
28	VNM	1,060	8.88%
29	VPB	4,110	6.30%
30	VRE	2,420	5.97%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,509,558,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,516,660,465
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 7,101,965
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* **12/10/2018**	Kỳ này/This period **11/10/2018**	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	39	0	39
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	269,300,000	273,200,000	-3,900,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	15,590	15,150	440
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,143,516,390,544	4,350,856,860,073	-207,340,469,530
của một lô ETF/per Creation Unit	1,516,660,465	1,592,553,756	-75,893,291
của một chứng chỉ quỹ/per Share	15,166.60	15,925.53	-758.93
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,025.09	999.59	25.50

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc/CEO